



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC  
Auditing & Informatic Services Company

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ từ ngày 01/01/2001 đến 31/12/2001

## ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Số: 12.2001.269/ AISC-DN

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN

8 - 2002

# MỤC LỤC

---o0o---

	<b>Trang</b>
1- Báo Cáo Giám Đốc	1 - 2
2- Báo Cáo Kiểm Toán	3
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 5
4- Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	6 - 8
5- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	9 - 14



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZI AN**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZI An trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán chu thời kỳ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2001.

### **1. Các hoạt động chính**

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZI An: Lắp ráp, chế tạo, tiêu thụ và cung cấp dịch vụ cho các loại sản phẩm máy phát điện, máy động lực và các sản phẩm cơ điện khác

Công ty Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZI An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000016 ngày 19 tháng 01 năm 2001, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần tư nhân.

### **2. Kết quả hoạt động**

Lãi năm 2001 - 4.225.381.067 đồng.

### **3. Hội Đồng Quản trị và Ban Giám Đốc Công ty:**

Ông Nguyễn Đức Cường  
Ông Trần Thanh Trọng  
Ông Đặng Đình Hưng  
Ông Nguyễn Đức Vinh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc  
Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc

### **4. Các thông tin cơ bản khác**

#### **4.1 Tài sản lưu động**

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

#### **4.2 Không có trường hợp nào dẫn đến các số liệu gây hiểu nhầm**

Giám đốc nhận thấy không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

#### **4.3 Thế chấp tài sản và các khoản nợ ngoài dự kiến sau khi kết thúc năm tài chính**

Vào ngày lập báo cáo này:

Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ khi kết thúc năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác





Theo ý kiến của Giám đốc, không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

#### 4.4 Các nghiệp vụ trọng yếu và bất thường

Theo ý kiến của Giám đốc, các hoạt động của Công ty trong năm tài chính được phản ánh trên báo cáo này không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh trong khoảng thời gian từ cuối năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

#### 5. Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học ( AISC ) được chỉ định là kiểm toán viên cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2001.

#### 6. Tuyên bố

Chúng tôi xin tuyên bố rằng, theo ý kiến của Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dũi An, các Báo cáo tài chính được lập đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2001.

Bình dương, ngày 31 tháng 01 năm 2002

**GIÁM ĐỐC**  
  
*Nguyễn Đình Hùng*



# CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 42 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 9306163 (10 Lines) Fax: (84.8) 9304281  
Email: aisc@aisc.com.vn

SỐ : 12.01.269AISC-DN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2001

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN

#### Kính gửi : Hội Đồng Quản Trị & Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZĪ An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2001 của quý Công ty từ trang 04 đến trang 14, các báo cáo này được soạn thảo phù hợp với hệ thống chế độ kế toán Việt nam theo quyết định số 1141 TC/QĐ/CĐKT của Bộ Tài chính ban hành ngày 01/11/1995.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán, để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế cùng với những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt nam chấp nhận

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám đốc của quý Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, phương pháp tính và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng các báo cáo tài chính nêu trên tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính được đề cập đến đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2001 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 0211/KTV  
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2002

#### **GIÁM ĐỐC AISC**

**Nguyễn Hữu Trí**

Số chứng chỉ KTV: 0476/KTV  
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

#### **Branch in Ha Noi**

11A Đoàn Trần Nghiệp, Hà Nội  
Tel: (04) 9741647

#### **Branch in Central Vietnam**

92A Quang Trung, Thành Phố Đà Nẵng  
Tel: (0511) 896619

#### **Representative Office**

64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP Cần Thơ  
Tel: (07) 1613004

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2001

ĐVT: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU KỶ	SỐ CUỐI KỶ
1	2	3	4
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.050.472.819</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.684.938.966</b>
1- Tiền mặt tại quỹ	111		2.137.162
2- Tiền gửi Ngân hàng	112		1.682.801.804
3- Tiền đang chuyển	113		
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>3.180.450.650</b>
1- Phải thu của khách hàng	131		1.808.750.772
2- Trả trước cho người bán	132		1.205.331.568
3- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		138.159.044
4- Phải thu nội bộ	134		
5- Khoản phải thu khác	138		28.209.266
6- Dự phòng phải thu khó đòi	139		
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.926.669.991</b>
1- Hàng mua đang đi đường	141		
2- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		845.438.147
3- Công cụ, dụng cụ trong kho	143		697.680
4- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144		1.160.139.480
5- Thành phẩm tồn kho	145		774.094.464
6- Hàng hóa tồn kho	146		44.296.000
7- Hàng gửi đi bán	149		2.102.004.220
<b>V. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>258.413.212</b>
1- Tạm ứng	151		34.572.000
2- Chi phí trả trước	152		187.841.212
3- Tài sản thiếu chờ xử lý	154		
4- Các khoản thế chấp, ký quỹ ngắn hạn	155		36.000.000
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.183.109.345</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>1.745.595.982</b>
1- TSCĐ hữu hình	211		869.979.402
* Nguyên giá	212		948.682.467
* Giá trị hao mòn lũy kế	213		(78.703.065)
2- TSCĐ thuê tài chính	214		
3- TSCĐ vô hình	217		875.616.580
* Nguyên giá	218		887.116.236
* Giá trị hao mòn lũy kế	219		(11.499.656)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>220</b>		<b>1.287.091.700</b>
<b>III. Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>230</b>		<b>1.150.421.663</b>
<b>IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>240</b>		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>250</b>		<b>14.233.582.164</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2001

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU KỶ	SỐ CUỐI KỶ
1	2	3	4
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.457.812.124</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.457.812.124</b>
1- Vay ngắn hạn	311		
2- Nợ dài hạn đến hạn trả	312		
3- Phải trả cho người bán	313		2.473.533.062
4- Người mua trả tiền trước	314		
5- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		(19.820.938)
6- Phải trả công nhân viên	316		
7- Phải trả các đơn vị nội bộ	317		
8- Các khoản phải trả, phải nộp khác	318		4.100.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		-
<b>III. Nợ khác</b>	<b>330</b>		-
1- Chi phí phải trả	331		
2- Tài sản thừa chờ xử lý	332		
3- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	333		
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.775.770.040</b>
<b>I. Nguồn vốn - Quỹ</b>	<b>410</b>		<b>11.794.941.467</b>
1- Nguồn vốn kinh doanh	411		8.000.000.000
2- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		
3- Chênh lệch tỷ giá	413		(24.914.600)
4- Quỹ đầu tư phát triển	414		318.663.993
5- Quỹ dự phòng tài chính	415		318.673.993
6- Lãi chưa phân phối	416		3.182.518.081
7- Nguồn vốn đầu tư XDCB	417		
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>420</b>		<b>(19.171.427)</b>
1- Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm	421		
2- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		(19.171.427)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>	-	<b>14.233.582.164</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngày 31 tháng 01 năm 2002



Đặng Đình Hùng

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Niên độ 2001

**PHẦN I: LÃI, LỖ**

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY
1	2	3
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>18.499.370.696</b>
<i>Trong đó</i> - Doanh thu hàng xuất khẩu	02	
<b>Các khoản giảm trừ (03 = 05 + 06 + 07)</b>	<b>03</b>	<b>1.999.900</b>
- Giảm giá hàng bán	05	1.999.900
- Giá trị hàng bán bị trả lại	06	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07	
<b>1. Doanh thu thuần (10 = 01 - 03)</b>	<b>10</b>	<b>18.497.370.796</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>13.595.017.343</b>
<b>3. Lợi tức gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>4.902.353.453</b>
<b>4. Chi phí bán hàng</b>	<b>21</b>	<b>88.726.332</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22</b>	<b>653.812.520</b>
<b>6. Lợi tức thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 - (21 + 22)]</b>	<b>30</b>	<b>4.159.814.601</b>
<b>7. Thu nhập hoạt động tài chính</b>	<b>31</b>	<b>24.200.036</b>
<b>8. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>32</b>	<b>33.168.199</b>
<b>9. Lợi tức hoạt động tài chính (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(8.968.163)</b>
<b>10. Thu nhập hoạt động bất thường</b>	<b>41</b>	<b>116.501.724</b>
<b>11. Chi phí hoạt động bất thường</b>	<b>42</b>	<b>41.967.095</b>
<b>12. Lợi tức bất thường (50 = 41 - 42)</b>	<b>50</b>	<b>74.534.629</b>
<b>13. Tổng lợi tức trước thuế (60 = 30 + 40 + 50)</b>	<b>60</b>	<b>4.225.381.067</b>
<b>14. Thuế lợi tức phải nộp</b>	<b>70</b>	
<b>15. Lợi tức sau thuế (80 = 60 - 70)</b>	<b>80</b>	<b>4.225.381.067</b>



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Niên độ 2001

**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
<b>I- Thuế</b>	<b>10</b>		<b>2.601.563.497</b>	<b>2.621.384.435</b>	<b>(19.820.938)</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11		924.968.539	924.968.539	
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		612.712.349	586.667.393	26.044.956
3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13				
4. Thuế Xuất, nhập khẩu	14		1.063.882.609	1.030.804.920	33.077.689
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15			78.943.583	(78.943.583)
6. Thu trên vốn	16				
7. Thuế Tài nguyên	17				
8. Thuế Nhà đất	18				
9. Tiền thuê đất	19				
10. Các loại thuế khác	20				
<b>II- Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>				
1. Các khoản phụ thu	31				
2. Các khoản phí, lệ phí	32				
3. Các khoản khác	33				
<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>		<b>2.601.563.497</b>	<b>2.621.384.435</b>	<b>(19.820.938)</b>

(\*) Các loại thuế sẽ được đơn vị quyết toán cụ thể với Cơ quan thuế.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Niên độ 2001

**PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐƯỢC HOÀN LẠI, ĐƯỢC MIỄN GIẢM**

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2001
1	2	3
<b>I- THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ</b>		
1. Số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	
2. Số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phát sinh	11	1.063.127.583
3. Số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế giá trị gia tăng hàng mua trả lại và không được khấu trừ (12 = 13 + 14 + 15+16) <i>Trong đó:</i>	12	924.968.539
<i>a) Số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ</i>	13	924.968.539
<i>b) Số thuế giá trị gia tăng đã hoàn lại</i>	14	
<i>c) Số thuế giá trị gia tăng hàng mua trả lại, giảm giá hàng bán</i>	15	
<i>d) Số thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ</i>	16	
4. Số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (17 = 10 + 11 - 12)	17	138.159.044
<b>II- THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC HOÀN LẠI</b>		
<b>III- THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC GIẢM</b>	20	
<b>IV- THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG HÀNG BÁN NỘI ĐỊA</b>		
1. Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	
2. Thuế giá trị gia tăng đầu ra phát sinh	41	921.968.539
3. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ	42	924.968.539
4. Thuế giá trị gia tăng hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43	
5. Thuế giá trị gia tăng được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44	
6. Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa đã nộp vào NSNN	45	
7. Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ (46 = 40 + 41 - 42 - 43 - 44 - 45)	46	

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Vân

Tp. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2002

GIÁM ĐỐC




Lê Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZI AN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính năm 2001 của Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZI An.*

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Thành lập: Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZI An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000016 ngày 19 tháng 01 năm 2001, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp.

1.2. Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần tư nhân.

1.3. Hình thức hoạt động: Sản xuất, kinh doanh

1.4. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh: Lắp ráp, chế tạo, tiêu thụ và cung cấp dịch vụ cho các toại sản phẩm máy phát điện, máy động lực và các sản phẩm cơ điện khác.

1.5. Tổng số công nhân viên là: 42 người.

*Trong đó: - Nhân viên quản lý 22 người.*

## 2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

2.1. Hệ thống tài khoản kế toán: Công ty áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1141 TC/QĐ/CDKT ngày 01/11/1995 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

2.2. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt nam (VND).

Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ. Chênh lệch do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán. Tỷ giá áp dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2001 là 15.085 VND/USD.

2.4. Phương pháp kế toán tài sản cố định:

Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định: Theo giá mua thực tế.

Khấu hao: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định, và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Mức khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ban hành ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính.

2.5. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá: Theo giá mua thực tế

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Theo phương pháp bình quân.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6. Phương pháp tính toán các khoản dự phòng, tình hình trích lập và hoàn dự phòng: Chưa thực hiện.

2.7. Phương pháp kế toán ghi nhận doanh thu và chi phí: Doanh thu và chi phí được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐI AN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001

**3. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (ĐVT: VND)**

**3.1. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

Chi phí nguyên vật liệu:	13.396.459.443
Chi phí nhân công:	435.725.807
Tiền lương công nhân viên	435.725.807
Chi phí khấu hao:	90.202.721
Chi phí khác bằng tiền:	505.976.796
Tổng cộng:	14.428.364.767

**3.2. Tình hình thu nhập công nhân viên:**

Tổng tiền lương:	435.725.807
Tổng thu nhập:	435.725.807
Thu nhập bình quân (VND/tháng):	864.535

**3.3. Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng:**

**1.684.938.966**

• Tiền mặt tại quỹ vào thời điểm 31/12/2001 (VND):	2.137.162
• Tiền gửi tại Ngân hàng:	1.682.801.804
- Tiền gửi tại Ngân hàng Công thương, Khu CN Tỉnh Bình dương bằng VND đến ngày 31/12/2001:	1.620.549.825
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu bằng VND đến ngày 31/12/2001:	62.251.979

**3.4. Các khoản phải thu:**

**3.180.450.650**

• Phải thu của khách hàng:	1.808.750.772
- Công ty TNHH Ban mai:	1.796.531.922
- Doanh nghiệp Tư nhân Tân Hưng phát:	12.218.850
• Trả trước cho người bán:	1.205.331.568
- Deutz Asia Pacific Pte.Ltd:	166.952.544
- German Intergrated Systems Pte.Ltd:	471.830.374
- Iveco Aifo S.P.A:	553.468.650
- Cơ sở Hoàng Duy:	7.000.000
- Cơ sở Bình Quới:	6.080.000
• Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ:	138.159.044
• Khoản phải thu khác:	28.209.266
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu:	26.044.954
- Các khoản phải thu khác:	2.164.312

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001

<b>3.5. Hàng tồn kho:</b>		<b>4.926.669.991</b>
• Nguyên liệu, vật liệu tồn kho:		845.438.147
• Công cụ, dụng cụ trong kho		697.680
• Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:		1.160.139.480
• Thành phẩm:		774.094.464
• Hàng hóa:		44.296.000
• Hàng gửi đi bán:		2.102.004.220
<b>3.6. Tài sản lưu động khác:</b>		<b>258.413.212</b>
• Tạm ứng		34.572.000
Tạm ứng cho CBCNV trong công ty		
• Chi phí trả trước:		187.841.212
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ:	125.676.366	
- Chi phí trước khi sản xuất:	62.164.846	
• Các khoản thế chấp, ký quỹ ngắn hạn:		36.000.000
- Công ty Điện thoại TP.HCM:	1.000.000	
- Công ty Thu giữ xe ( bảo lãnh, bảo hành) :	5.000.000	
- Bệnh viện Đại học Y dược TP HCM (ký quỹ dư thừa)	30.000.000	
<b>3.7. Tài sản cố định:</b>		
• Mức khấu hao áp dụng trong năm 2001:		
Máy móc thiết bị:	3 – 5 năm	
Phương tiện vận tải:	4 – 6 năm	
Quyển sử dụng đất:	45 năm	
TSCĐ khác:	3 – 5 năm	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001

- Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình đến ngày 31/12/2001:

DVT: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>				
1. Số đầu kỳ				
2. Số tăng trong kỳ	755.973.088	140.821.215	51.888.164	948.682.467
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số cuối kỳ	755.973.088	140.821.215	51.888.164	948.682.467
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
1. Số đầu kỳ				
2. Số tăng trong kỳ	62.735.179	15.967.886		78.703.065
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số cuối kỳ	62.735.179	15.967.886		78.703.065
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
1. Số đầu kỳ				
2. Số cuối kỳ	693.237.909	124.853.329	51.888.164	869.979.402

- Tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất:

- Nguyên giá:	887.116.236
- Giá trị hao mòn:	11.499.656
- Giá trị còn lại:	875.616.580

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 1.287.091.700  
Mua lại cổ phần của Công ty Ban mai
- Chi phí xây dựng dở dang: 1.150.421.663  
Chi phí xây dựng nhà xưởng, văn phòng còn dở dang chưa hoàn thành.

3.8. Nợ ngắn hạn: 2.536.755.707

- Phải trả cho người bán: 2.473.533.062
  - Deutz Asia Pacific Pte.Ltd: 886.921.496
  - Ifra Technologies Pte.Ltd: 93.114.220
  - Newage Asia Pacific Pte.Ltd: 949.913.280
  - Công ty TNHH SX-DV-TM A.D.M: 16.754.000
  - Công ty HaSa: 8.907.200
  - Cửa hàng Huỳnh Kim Lương: 14.433.600
  - Ông Tư: 58.630.000
  - Công ty TNHH TM-DV-XD Đông thot: 32.911.969



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001

- Công ty Cổ phần XD & TM TTT:	1.532.640	
- Ông Đặng Đình Hưng:	406.472.000	
- Ông Võ Quốc Tuấn:	4.442.657	
• Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:		(19.820.938)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu:	26.044.956	
Thuế xuất nhập khẩu:	33.077.689	
Thuế TNDN:	(78.943.583)	
• Phải trả phải nộp khác:		4.100.000
Chi phí vận chuyển trả hộ cho Công ty Ban mai		
<b>3.9. Vốn chủ sở hữu:</b>		
Tình hình góp vốn đến thời điểm 31/12/2001:		
Vốn pháp định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 8.000.000.000 đồng		
- Thực tế góp vốn đến 31/12/2001:	8.000.000.000 đồng	
<b>3.10. Doanh thu bán hàng:</b>		<b>18.499.370.696</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng hóa:	3.491.814.162	
- Doanh thu bán thành phẩm:	14.990.817.034	
- Doanh thu dịch vụ:	16.739.500	
<b>3.11. Thu nhập chưa phân phối:</b>		<b>3.182.518.081</b>
- Thu nhập chưa phân phối đến 31/12/2001:	3.182.518.081	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZI AN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001

**4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:**

Chỉ tiêu	Năm 2001
<b>1. Bố trí cơ cấu vốn</b>	
- Tài sản cố định/Tổng số tài sản (%)	29,38
- Tài sản lưu động/Tổng số tài sản (%)	70,62
<b>2. Tỷ suất lợi nhuận</b>	
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	23,09
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	53,40
<b>3. Tình hình tài chính</b>	
- Tỷ lệ nợ phải trả so với toàn bộ tài sản (%)	17,26
- Khả năng thanh toán	
* Tổng quát:	
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn (lần)	4,09
* Thanh toán nhanh:	
Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn (lần)	0,68



Tp. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2002

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Thị Thanh Vân*



*Đặng Đình Hùng*